

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **784/UBND-NV**
V/v thực hiện kê khai tài sản nhập
lần đầu (công văn nhắc lần 3)

Yên Châu, ngày 28 tháng 4 năm 2021

Kính gửi:

- Thủ trưởng các cơ quan đơn vị;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn;
- Thủ trưởng các đơn vị trường học.

Thực hiện Công văn số 175/TTr-PCTN ngày 26/3/2021 của Thanh tra tỉnh về việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Ngày 04/3/2021, UBND huyện ban hành Công văn số 415/UBND-NV về việc kê khai, công khai tài sản thu nhập ‘lần đầu’; ngày 08/4/2021 ban hành Công văn số 671/UBND-NV về việc rà soát thực hiện kê khai tài sản nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức đơn vị. Sau khi rà soát các bản kê khai tài sản, thu nhập của các đơn vị, cá nhân (*đối tượng phải kê khai*) nộp Thanh tra tỉnh cho thấy một số đơn vị chưa nghiêm túc triển khai thực hiện: bản kê khai chưa kê khai đầy đủ, chưa thực hiện đúng quy định theo mẫu hướng dẫn tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ còn một số tồn tại như sau: phần mô tả thông tin chung (một số bản kê khai chưa thực hiện kê khai đầy đủ và chưa đúng mẫu: còn cất mẫu); phần mô tả thông tin: về giá trị đất, nhà, công trình, cây ăn quả, tiền...chưa đầy đủ, đăng ký sử dụng, giá trị; tài sản khác gắn liền với đất đầu mục ghi không có nhưng trong mục chi tiết lại kê; Tiền chưa ghi cụ thể là tiền mặt, cho vay, tiền gửi...

Để công tác kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, UBND huyện Yên Châu yêu cầu các cơ quan đơn vị, cá nhân (*đối tượng phải kê khai*) thực hiện kê khai lại tài sản thu nhập cá nhân lần đầu đảm bảo các nội dung sau:

I. Phần thông tin chung (Mục I) còn sai tên đầu mục các nội dung của người kê khai, vợ hoặc chồng của người kê khai, con chưa thành niên (*yêu cầu ghi đúng theo mẫu, chỉ kê khai con dưới 18 tuổi, nếu chưa có số CMTND hoặc thẻ căn cước công dân thì ghi “chưa có”*).

II. Phần thông tin mô tả về tài sản (Mục II):

1. Đất ở:

- Ghi cụ thể số nhà (nếu có), ngõ, ngách, xóm, bản; xã, thị trấn; huyện, tỉnh.

- Ghi diện tích đất (m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc diện tích đo thực tế (*nếu chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*).

- Giá trị là giá gốc tính bằng tiền Việt Nam, cụ thể: Trường hợp tài sản có được do mua, chuyển nhượng thì ghi số tiền thực tế phải trả khi mua hoặc nhận chuyển nhượng cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có); trường hợp tài sản có được do tự xây dựng, chế tạo, tôn tạo thì ghi tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc xây dựng, chế tạo, tôn tạo cộng với phí, lệ phí (nếu có) tại thời điểm hình thành tài sản; trường hợp tài sản được cho, tặng, thừa kế thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm được cho, tặng, thừa kế cộng với các khoản thuế, phí khác (nếu có) và ghi “giá trị ước tính”; trường hợp không thể ước tính giá trị tài sản vì các lý do như tài sản sử dụng đã quá lâu hoặc không có giao dịch đối với tài sản tương tự thì ghi “không xác định được giá trị” và ghi rõ lý do.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thì ghi số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và **tên người được cấp**; nếu thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi “chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

- Thông tin khác: Ghi cụ thể về tình trạng thực tế quản lý, sử dụng (ví dụ như người kê khai đứng tên đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng thực tế là của người khác); tình trạng chuyển nhượng, sang tên và hiện trạng sử dụng như cho thuê, cho mượn, ở chung cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ chồng (vợ).

- Kê khai các loại đất có mục đích sử dụng không phải là đất ở theo quy định của Luật Đất đai.

2. Nhà ở, công trình xây dựng

2.1. Nhà ở

- Loại nhà: ghi “nhà ở riêng lẻ” (*không ghi nhà xây kiên cố, nhà cấp 4, nhà sàn, nhà gỗ, nhà chôn cột...*).

- Diện tích sử dụng: Ghi tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng của nhà ở riêng lẻ, biệt thự bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: ghi “không” (*không có GCN quyền sở hữu nhà - trừ căn hộ chung cư*).

- Thông tin khác: Ghi rõ cho thuê, cho mượn, ở chung cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ chồng (vợ), đang đi thuê hoặc đang sử dụng.

- Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng không phải nhà ở.

3. Tài sản gắn liền với đất

- Chỉ kê khai những tài sản gắn liền với đất mà có tổng giá trị mỗi loại ước tính từ 50 triệu trở lên.

4. Ghi các loại vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (*ghi rõ tên loại vàng, kim cương, bạch kim..., không ghi số tiền không*).

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên (*ghi rõ tiền cho vay, tiền gửi cá nhân...*).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): nếu không có ghi “không”.

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà theo quy định phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký có giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

7.2. Tài sản khác (*Các loại tài sản khác như đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên mới phải kê khai – ghi rõ tên loại tài sản*).

8. Tài sản ở nước ngoài: nếu không có ghi “không”.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: nếu không có ghi “không”.

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: để trống không kê khai.

III. Biến động tài sản thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm: Để trống không kê khai (không cắt mẫu).

(có gửi bản kê khai mẫu cho các đơn vị tham khảo)

- **Lưu ý:** Bản kê khai tài sản thực hiện kê khai **trước ngày 10/3/2021**.

+ Đối với các mục không có nội dung kê khai thì điền là “không” ở mục lớn (*không ghi như trên hoặc để trống*).

+ Ký nháy các trang bản kê khai.

+ Cá nhân ở cùng bố mẹ đẻ, bố mẹ chồng (vợ). ở thuê... phải kê khai phần đất ở và nhà ở, ghi rõ lý do ở phần “thông tin khác”, không được để trống bản kê khai.

Đây là một trong những nội dung quan trọng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức thực hiện, tự rà soát chi tiết các bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai đảm bảo đầy đủ các nội dung theo mẫu và hướng dẫn kê khai trước khi nộp về Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; không tự ý thay đổi tên gọi, thứ tự, cắt bớt các nội dung theo mẫu. Bản kê khai gửi về UBND huyện (*qua phòng Nội vụ*) **chậm nhất 17h ngày 04/5/2021** (mỗi cá nhân 02 bản).

IV. Tổ chức thực hiện

1. Thanh tra huyện: nhận và kiểm soát bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu của 15 xã, thị trấn.

2. Phòng Nội vụ: nhận và kiểm soát bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu của 12 cơ quan chuyên môn, 04 đơn vị sự nghiệp, 46 đơn vị trường học.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức triển khai, thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc gọi điện thoại đến số 0212. 3840.147 (hoặc số 0973.124.978 bà Nguyễn Thị Hòa - Chuyên viên phòng Nội vụ) để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Lưu NV, Hòa 03 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lù Văn Cường